Lớp 3 Tên: _____

Bài học 1

ách ạch ếch ệch

ích ịch

A. Tập đọc và viết lại những chữ sau đây:

cách	hách	nách	rách	thách	trách
_____	_____	_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____	_____	_____
hạch	mạch	rạch	sạch	thạch	vạch
_____	_____	_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____	_____	_____

ếch	chênh chếch	ngốc nghếch	xốc xếch
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____

trắng bệch	lệch lạc	thô kệch	xộc xệch
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____

ích	bích	chích	đích	kích	thích
_____	_____	_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____	_____	_____
bịch	dịch	địch	kịch	lịch	nghịch
_____	_____	_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____	_____	_____

LIVEWORKSHEETS

B. Tập đọc và viết lại những chữ sau đây:

cách ăn mặc *(dressing style)*	**rách rưới** *(ragged)*	**sạch sẽ** *(clean)*
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____
vạch rõ *(to point out)*	**con ếch** *(frog)*	**xốc xếch** *(untidy)*
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____
trắng bệch *(sickly white)*	**ích lợi** *(usefulness)*	**chích ngừa** *(immunization)*
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____
mục đích *(goal, purpose)*	**bịch kẹo** *(bag of candy)*	**cuốn lịch** *(calendar)*
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____

C. Điền vào chỗ trống

Dùng những chữ sau đây để điền vào chỗ trống:

đọc sách, sạch sẽ, nách, xốc xếch, có ích, rách rưới, thích thú, nghịch ngợm, cuốn lịch, con ếch.

1. Tý thường ăn mặc _____.

2. Chúng ta nên _____ mỗi ngày.

LIVEWORKSHEETS

3. Nó thường kẹp cái cặp vào _____.

4. _____ thường sống ở bờ sông.

5. Đây là _____ của năm 2008.

6. Chúng ta phải rửa tay _____ trước khi ăn cơm.

7. Bé Lan đang _____ coi phim hoạt họa.

8. Khoa là học sinh _____ nhất lớp.

9. Em phải học để trở thành người _____cho xã hội.

10. Ông ăn xin đó mặc quần áo thật _____.

D. Tập đọc và viết chính tả

(Dùng giấy nháp viết lại bài tập đọc 2 lần)

Hai Con Gà Trống

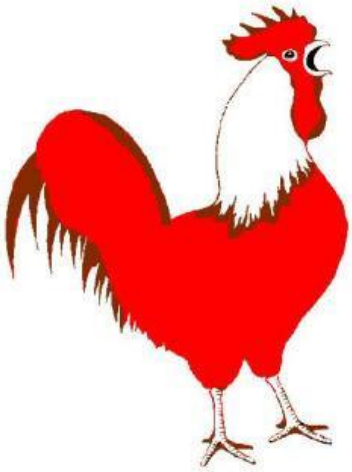

Có hai con gà trống cùng một mẹ sinh ra. Khi lớn lên **đủ lông đủ cánh**, chúng thường **cãi vã** nhau. Con nào cũng tự cho mình đẹp và **xứng đáng** làm vua **nông trại**.

Một hôm chúng đánh nhau **kịch liệt** để **tranh chức** vua của nông trại. Sau đó một con **thắng** và một con **bại.** Con bại bị thương nằm **thoi thóp thở**.

Con thắng **thích thú** nhảy lên **hàng rào cất tiếng gáy** to. Lúc đó có con **diều hâu** bay ngang nghe tiếng gáy liền **xà xuống** bắt nó mang đi.

LIVEWORKSHEETS

Ngữ vựng:

gà trống: *rooster;* **đủ lông đủ cánh:** *grown up;* **cãi vã:** *to argue;* **xứng đáng:** *to deserve;* **nông trại:** *farm;* **kịch liệt:** *violently;* **tranh chức:** *to fight for;* **thắng:** *to win;* **bại:** *to lose;* **thoi thóp thở:** *to breath slightly;* **thích thú:** *enjoy;* **hàng rào:** *fence;* **cất tiếng gáy:** *starting to crow;* **diều hâu:** *hawk;* **xà xuống:** *to swoop on.*

Đ. Trả lời câu hỏi *(trả lời với một câu đầy đủ)*

1. Tại sao hai con gà trống thường cãi vã nhau?

_____

_____

2. Hai con gà trống làm gì để tranh chức vua nông trại?

_____

3. Con gà bị bại thì thế nào?

_____

4. Con gà thắng thì làm gì?

_____

_____

5. Con gì đã bắt con gà thắng đem đi?

_____

LIVEWORKSHEETS

E. Đặt câu hỏi cho những trả lời sau đây:

1. Năm nay em học lớp hai

Năm nay em học lớp mấy?

2. Em học lớp Việt ngữ ở phòng số ba

_____

3. Em học Việt ngữ được ba năm.

_____

4. Cô giáo Việt ngữ của em tên là Mai.

_____

5. Em học Việt ngữ ở trường Bách Việt.

_____

6. Lớp Việt ngữ của em có mười tám học sinh.

_____

7. Em quen Lan và Thảo trong lớp Việt ngữ.

_____

8. Hôm nay cô giáo dạy về màu sắc.

_____

9. Cô giáo đã giảng tới bài học số mười.

_____

10. Quyển sách này có tất cả hai mươi bài học.

_____

LIVEWORKSHEETS

G. Tập đặt câu với những chữ cho sẵn

1. (sách) _____

_____

2. (học) _____

_____

3. (lớp) _____

_____

4. (cô giáo) _____

_____

5. (trường) _____

_____

H. Học thuộc lòng

Tục ngữ:

Chị ngã em nâng

(anh chị em phải giúp đỡ nhau)

LIVEWORKSHEETS